



BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ HẠ HÒA

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 70B (đường Hùng Vương)	Giáp địa giới hành chính xã Yên Kỳ (xã Phương Viên cũ)	Ngã ba đường đi Làng Trâm, xã Yên Kỳ (xã Hương Xạ cũ)	2.800	1.600	1.100	1.100	600	500	900	500	300
2		Ngã ba đường đi Làng Trâm, xã Yên Kỳ (xã Hương Xạ cũ)	Giao đường tỉnh lộ 314	3.300	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
3		Giao đường tỉnh lộ 314	Đường rẽ vào NVH khu 2 (xã Âm Hạ cũ)	3.500	1.900	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
4		Đường rẽ vào NVH khu 2 (xã Âm Hạ cũ)	Giao thị trấn Hạ Hòa (cũ) và xã Âm Hạ (cũ)	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
5		Giao thị trấn Hạ Hòa (cũ) và xã Âm Hạ (cũ)	Ngã 3 dốc ông Thành cháy	5.700	3.100	2.300	2.300	1.300	900	1.700	900	700
6		Ngã 3 dốc ông Thành cháy	Cầu Hạ Hòa	7.600	4.200	3.000	3.000	1.700	1.200	2.300	1.300	900
7	Đường Quốc lộ 2D (đường Lạc Long Quân)	Giáp xã Đan Thượng (xã Tứ Hiệp cũ)	Cầu Lửa Việt, khu 1 (thị trấn Hạ Hòa cũ)	7.600	4.200	3.000	4.800	2.600	1.900	3.600	2.000	1.400
8		Cầu Lửa Việt, khu 1 (thị trấn Hạ Hòa cũ)	Ngã ba Bưu điện	9.500	5.200	3.800	4.800	2.600	1.900	3.600	2.000	1.400
9		Ngã ba Bưu điện	Công ty TNHH chè Cúc Đạt	13.700	7.500	5.500	6.400	3.500	2.600	4.800	2.600	1.900
10	Đường Quốc lộ 2D	Công ty TNHH chè Cúc Đạt	Giáp địa giới hành chính xã Vĩnh Chân (xã Lang Sơn cũ)	7.400	4.100	2.900	2.900	1.600	1.200	2.200	1.200	900
11	Đường tỉnh 314	Ngã 3 giao với đường QL70B	Ngã tư đường vùng đồi Gia Điền	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
12		Ngã tư đường vùng đồi Gia Điền	Ngã 3 nhà bà Huế	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
13		Ngã 3 nhà bà Huế	Ngã 3 nhà ông Đức Liễu	1.600	900	600	600	400	300	500	300	200
14		Ngã 3 nhà ông Đức Liễu	Giáp ngã 3 xã Đan Thượng (Hà Lương cũ)	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
15	Đường huyện 62	Cổng chùa khu 1	Khu 3, giáp xã Âm Hạ cũ	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
16	Đường huyện 60	Nhà ông Tăng (khu 5 thị trấn Hạ Hoà cũ)	Nhà ông Hai khu 4 (xã Minh Hạc cũ)	3.800	2.100	1.500	1.500	800	600	1.100	600	500
17		Nhà ông Hai khu 4 (xã Minh Hạc cũ)	Trạm biến áp số 4 (ngã ba ông Thiện Tiệp), thuộc khu 4 xã Minh Hạc (cũ)	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
18		Trạm biến áp số 4 (ngã ba ông Thiện Tiệp), thuộc khu 4 xã Minh Hạc (cũ)	Giáp địa giới hành chính xã Yên Kỳ (xã Lang Sơn cũ)	2.200	1.200	900	900	500	400	700	400	300
19	Đường Âu Cơ	Ngã ba bưu điện	Đường rẽ vào Trường THPT Hạ Hòa	12.600	6.900	5.100	5.600	3.100	2.200	4.200	2.300	1.700
20		Đường rẽ vào Trường THPT Hạ Hòa	Ngã 3 rẽ vào trường tiểu học Hạ Hòa	9.500	5.200	3.800	5.600	3.100	2.200	4.200	2.300	1.700
21		Ngã 3 rẽ vào trường tiểu học Hạ Hòa	Đến ngã ba dốc ông Thành cháy, QL.70B	8.400	4.600	3.400	5.600	3.100	2.200	4.200	2.300	1.700
22	Phố Âm Thượng	Ngã ba chợ Hạ Hòa	Ga Âm Thượng	9.500	5.200	3.800	5.600	3.100	2.200	4.200	2.300	1.700
23	Phố Ao Châu	Nhà ông Khôi qua ngã tư nối đường Quốc lộ 70B	Giáp xã Minh Hạc (cũ)	8.200	4.500	3.300	3.300	1.800	1.300	2.500	1.400	1.000
24	Phố Chu Văn An	Ban Chi huy quân sự huyện (cũ)	Nối ngã ba Quốc lộ 70B	6.300	3.500	2.500	2.500	1.400	1.000	1.900	1.000	800
25	Phố Lửa Việt	Bến thuyền Ao Châu	Nhà bà Loan Lý (qua nhà ông Lý Kiểm)	5.700	3.100	2.300	2.300	1.300	900	1.700	900	700
26		Nhà ông Kiểm	Đập Bờ Dài	5.700	3.100	2.300	2.300	1.300	900	1.700	900	700
27	Phố Côn Nhac	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	Đường vào trường THPT Hạ Hòa	8.800	4.900	3.500	3.500	1.900	1.400	2.700	1.500	1.100
28		Đường vào trường THPT Hạ Hòa	Điểm giao với đường phố Ao Châu	9.500	5.200	3.800	3.800	2.100	1.500	2.800	1.600	1.100
29	Phố Trần Nhân Tông	Hiệu sách nhân dân	Qua Chùa Kim Sơn đến nhà ông Bình	5.700	3.100	2.300	2.300	1.300	900	1.700	900	700
30	Phố Gò Mây	Giáp nhà ông Hải Giang	Nhà ông Dũng Minh	5.700	3.100	2.300	2.300	1.300	900	1.700	900	700
31	Phố Tổ Hữu	Nhà ông Hoan Dương	Giao với đường Hùng Vương (QL70B)	12.600	6.900	5.100	5.100	2.800	2.000	3.800	2.100	1.500
32	Phố Cao Sơn	Ngã 3 rẽ vào trường tiểu học Hạ Hòa	Nối đường phố Ao Châu	5.700	3.100	2.300	2.300	1.300	900	1.700	900	700
33	Phố Thao Giang	Chợ Hạ Hòa	Giao với đường Hùng Vương (QL70B)	6.800	3.800	2.700	2.700	1.500	1.100	2.100	1.100	800

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
34	Phố Hàn Thuyên	UBND huyện Hạ Hòa (cũ)	Cổng cũ Trung tâm y tế huyện Hạ Hòa và lối rẽ đến đường phố Côn Nhac	10.000	5.500	4.000	4.000	2.200	1.600	3.000	1.600	1.200
35		Nhà ông Cường (Thanh), khu 5 (thị trấn Hạ Hòa cũ)	Giao với đường Hùng Vương (QL70B)	7.600	4.200	3.000	3.000	1.700	1.200	2.300	1.300	900
36	Đường trục chính xã	Ngã ba nhà ông Hưng Thủy giáp Quốc lộ 2D	Nhà bà Cánh khu 2	4.700	2.600	1.900	1.900	1.000	800	1.400	800	600
37		Nhà bà Cánh khu 2 (qua khu đầu giá Đàm Sen khu 3)	Nhà ông Lập Ước khu 3	4.700	2.600	1.900	2.300	1.200	900	1.800	1.000	700
38		Nhà ông Lập Ước khu 3	Đất nhà ông Hoan Dương nối đường ĐH60	3.200	1.700	1.300	1.500	800	600	1.200	700	500
39		Nhà bà Cánh khu 2	Trạm biến áp số 4 (ngã ba ông Thiện Tiệp), thuộc khu 4 xã Minh Hạc (cũ)	3.500	1.900	1.400	1.400	800	600	1.000	600	400
40		Ngã 3 cổng ông Thắng Điều	Cổng nhà văn hóa khu 4	1.300	720	520	600	290	210	480	220	160
41	Đường liên xã	Tỉnh lộ 314	Giáp địa giới hành chính xã Đan Thượng (xã Tứ Hiệp cũ)	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
42		Nhà bà Thỏa, khu 8	Cổng nhà bà Lụa, khu 3 xã Ấm Hạ (cũ)	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
43		Đoạn đường liên xã còn lại		1.100	600	400	400	250	200	300	200	100
44	Đường trục xã, nội thị	Ngã 3 tiếp giáp đường tỉnh 314 nhà ông Tân Hoa	Nối với đường ĐH62	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
45		Ngã 3 nhà ông Tú khu 7 (xã Ấm Hạ cũ)	Giao đường ĐH62 xã Gia Điền (cũ)	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
46		Ngã ba đường đi Làng Trầm, xã Yên Kỳ (xã Hương Xạ cũ)	Giáp địa giới hành chính xã Yên Kỳ (xã Hương Xạ cũ)	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
47		Ngã ba đường đi Làng Trầm, xã Yên Kỳ (xã Hương Xạ cũ)	Giáp địa giới hành chính xã Yên Kỳ (xã Phương Viên cũ)	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
48	Các tuyến đường khác	Cổng qua đường gần nhà Văn hóa khu 6 (thị trấn Hạ Hòa cũ)	Giáp xã Ấm Hạ (cũ)	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
49		Viện Kiểm sát, Toà án	Chợ Hạ Hòa	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
50		Đường bê tông song song với đường sắt		4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
51		Ngã 3 tiếp giáp đường QL 70B (nhà ông Doanh Tính)	Giao với đường ĐH62	1.100	600	400	400	250	200	300	200	100
52		Nhà ông Châu Thảo khu 2 xã Minh Hạc (cũ)	Ngã 3 nhà bà Tạch khu 3 (khu đầu giá Đầm Sen khu 3)	2.500	1.400	1.000	1.200	700	500	1.000	500	400
53		Đoạn nắn tuyến từ nhà ông Đạo Quế khu 4 (Gia Điền cũ)	Nhà Luân Khoa khu 5 (Gia Điền cũ)	1.300	700	500	600	300	200	500	300	200
54		Đường nội thị còn lại thuộc thị trấn Hạ Hòa cũ		3.200	1.700	1.300	1.300	700	500	900	500	400
55	Đường gom	Giáp xã Đan Thượng (xã Tứ Hiệp cũ)	Cầu Lửa Việt, khu 1 (thị trấn Hạ Hòa cũ)	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
56		Đoạn đường liên thôn xóm của Ấm Hạ, Gia Điền, Minh Hạc		800	440	320	320	180	130	240	130	100
57	Khu nhà ở đô thị Đầm Phai	Đường 17,5 m		12.000			4.800			3.600		
58		Đường 13,5 m		10.000			4.000			3.000		
*	Khu đầu giá, khu tái định cư											
59	Khu đầu giá tại khu 10 TT Hạ Hòa cũ (LK01)			13.000			6.000			4.500		
60	Khu đầu giá tại khu 3 TT Hạ Hòa cũ			13.000			5.600			4.200		
61	Khu đầu giá tại khu 11 TT Hạ Hòa cũ			12.000			4.800			3.600		
62	Khu đầu giá tại khu 8 Ấm Hạ cũ			5.000			2.000			1.500		
63	Khu đầu giá tại khu 3 Minh Hạc cũ			6.000			2.400			1.800		
64	Khu TĐC tại khu 2 Ấm Hạ cũ			2.000			800			600		

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
65	Khu TĐC tại khu 5 Ấm Hạ cũ			4.000			1.600			1.200		
66	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá tại thị trấn Hạ Hòa cũ		2.100			800			600		
67		Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá tại xã Ấm Hạ, Minh Hạc, Gia Diên cũ		500			200			150		